

Số: 10 /2021/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 19 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHHCN ngày 27/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực

hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước, thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước đây;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học và

công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong 03 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

Trường hợp khác với các yêu cầu tại các điểm a, b, c Khoản này do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ bao gồm: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có từ 07 đến 09 thành viên, gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên; trong đó có ít nhất là 02 ủy viên phản biện. Thành viên Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu về lĩnh vực khoa học và công nghệ mà Hội đồng được giao tư vấn. Các thành viên Hội đồng, gồm đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; cơ quan, tổ chức đặt hàng, áp dụng kết quả nghiên cứu nhiệm

vụ khoa học và công nghệ; các cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ, nhà kinh doanh có lĩnh vực chuyên môn phù hợp. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được chỉ định 02 chuyên gia phản biện kín, không nêu danh. Đối với Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu, có ít nhất 01 thành viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Các trường hợp sau không được tham gia là thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học; Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 7 như sau:

“1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

a) Đối với đề tài, dự án phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

Yêu cầu chung: Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh; giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh; có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh; không trùng lặp về mục tiêu, nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu riêng đối với đề tài:

Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (*sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ*) phải đáp ứng các yêu cầu sau: Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở địa phương; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế,

giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng; có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm;

Đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: Sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại địa phương, trong nước hoặc quốc tế, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội;

Yêu cầu riêng đối với dự án: Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích; công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt; có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện;

b) Đối với đề án khoa học: Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

c) Đối với dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau: Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu; kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực; có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.

2. Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh do các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất với Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh xem xét, thông qua và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nguyên tắc chung:

a) Tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai

trên công thông tin điện tử hoặc các phương tiện thông tin đại chúng trừ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng;

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được đánh giá thông qua hoạt động của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp (được gọi là Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp);

c) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Nguyên tắc tuyển chọn:

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện;

c) Danh mục các nhiệm vụ cấp tỉnh, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 60 ngày để tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn chuẩn bị hồ sơ đăng ký.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

"Điều 17. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ

a) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở xuống và chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng;

b) Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

2. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Không được phép điều chỉnh;

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần: Việc điều chỉnh được xem xét sau khi có ý kiến của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và ý kiến đồng thuận bằng văn bản của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm

vụ.

3. Điều chỉnh nội dung của nhiệm vụ

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Tổ chức chủ trì thực hiện được chủ động điều chỉnh nội dung nhiệm vụ nhưng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến tên, mục tiêu và sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ, đồng thời tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình;

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ phải có văn bản báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc điều chỉnh nội dung đối với từng trường hợp cụ thể. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp hoặc tham khảo ý kiến tư vấn của các chuyên gia trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có quyền đề nghị điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

b) Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Việc thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau: Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục; Chủ nhiệm nhiệm vụ bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ hoặc vì lý do cá nhân khác (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế); Chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích trên 06 tháng; Chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác;

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

6. Thay đổi Tổ chức chủ trì nhiệm vụ

a) Chỉ thay đổi Tổ chức chủ trì nhiệm vụ trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sát nhập, chia tách, giải thể Tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

7. Thay đổi khác đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Điều chỉnh mua sắm nguyên liệu, vật liệu; điều chỉnh mua sắm thiết bị, máy móc;

b) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu; điều chỉnh dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

8. Thẩm quyền quyết định

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ: xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trừ điểm a khoản 3 Điều 17 và điểm b khoản 7 Điều 17);

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Được điều chỉnh nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17, được chủ động thay đổi các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và Công nghệ. Việc thay đổi các cá nhân tham gia phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế, đồng thời có văn bản báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ; được phép chủ động điều chỉnh kế hoạch chi từ dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước nhưng không được giảm tổng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

9. Quyết định và các văn bản có liên quan đến việc điều chỉnh là căn cứ để bổ sung hợp đồng đã ký giữa Sở Khoa học và Công nghệ và Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các trường hợp sau:

a) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;

b) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gặp các trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh) dẫn đến không thể hoàn thành;

c) Tổ chức, cá nhân chủ trì bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ không đủ năng lực tổ chức nghiên cứu triển khai; hướng nghiên cứu bế tắc.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng bao gồm:

a) Công văn giải trình, đề nghị chấm dứt hợp đồng của tổ chức chủ trì nhiệm vụ trong trường hợp tổ chức chủ trì chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng;

b) Đề xuất của đơn vị, bộ phận quản lý kinh phí trong trường hợp tổ chức chủ trì không chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng và đơn vị, bộ phận quản lý kinh phí có đủ căn cứ quy định tại Khoản 1 điều này;

c) Hợp đồng, thuyết minh đã ký giữa tổ chức chủ trì với Sở Khoa học và

Công nghệ;

d) Báo cáo nội dung, sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành, đang triển khai và chưa triển khai;

đ) Báo cáo tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện;

e) Tài liệu khác (nếu có).

3. Trình tự, thẩm quyền thực hiện chấm dứt hợp đồng

a) Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và có thông báo bằng văn bản tới đơn vị chủ trì tạm dừng thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức chủ trì phải ngừng mọi hoạt động có liên quan kể từ ngày có thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ, đồng thời báo cáo chi tiết bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ các nội dung đã thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí, nguyên vật liệu, trang thiết bị mua sắm;

b) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường trước khi tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định chấm dứt hợp đồng. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý. Trong quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm;

c) Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện kiểm kê, bàn giao kết quả, sản phẩm thực hiện nhiệm vụ, thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ, quản lý và xử lý tài sản theo quy định hiện hành.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Việc đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiến hành theo 2 bước: đánh giá kết quả ở cấp cơ sở và đánh giá kết quả ở cấp tỉnh. Mỗi bước đánh giá được tổ chức thực hiện riêng biệt.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và Công nghệ có nội dung xây dựng các mô hình thì cần phải tiến hành đánh giá nghiệm thu mô hình. Thành phần Tổ đánh giá nghiệm thu mô hình do Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định thành lập, bao gồm đại diện các cơ quan chuyên môn của huyện, xã địa bàn triển khai mô hình và các đơn vị liên quan khác.”.

9. Sửa đổi khoản 4 Điều 20 như sau:

“4. Tự đánh giá (nghiệm thu cấp cơ sở). Được tiến hành trước thời hạn kết thúc hợp đồng khoa học và công nghệ hoặc chậm nhất vào thời điểm kết thúc hợp đồng khoa học và công nghệ, nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh cho Sở Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ được Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ xếp loại từ “Đạt” trở lên thì mới được tổ chức nghiệm thu cấp tỉnh. Mức đánh giá xếp loại theo quy định tại Khoản 4, Điều 21 của Quy chế này;”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

"Điều 22. Đăng ký, lưu giữ và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"

1. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

2. Việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 Quy định về việc thu thập đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN."

Điều 2. Thay thế một số cụm từ và bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn được ban hành theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn

1. Thay thế một số cụm từ tại các điều, khoản sau đây:

a) Thay thế cụm từ "Thành lập hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành" bằng cụm từ "Thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ" tại Mục 1, Chương II;

b) Thay thế cụm từ "Thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chuyên gia cấp tỉnh" bằng cụm từ "Thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định kinh phí" tại Điều 5;

c) Thay thế cụm từ "các Tiểu ban chuyên môn của Hội đồng" bằng cụm từ "các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ" và thay thế cụm từ "tổng hợp đề xuất của các Tiểu ban" bằng cụm từ "tổng hợp đề xuất của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ" tại khoản 2 Điều 9;

d) Thay thế cụm từ "Hội đồng chuyên ngành xác định nhiệm vụ" bằng cụm từ "Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ" tại khoản 3 Điều 11;

đ) Thay thế cụm từ "Hội đồng chuyên ngành" bằng cụm từ "Hội đồng tư vấn giao trực tiếp" tại khoản 2 Điều 13;

e) Thay thế cụm từ "Tổ chức quản lý các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ" bằng cụm từ "Ký kết, điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện" tại Mục 4, Chương II;

f) Thay thế cụm từ "thành lập Hội đồng chuyên ngành đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN" bằng cụm từ "thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ" tại khoản 2 Điều 21;

g) Thay thế cụm từ “Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh” bằng cụm từ “Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh” tại khoản 4 Điều 21;

h) Thay thế cụm từ “do Hội đồng KH&CN chuyên ngành xét duyệt tư vấn đề nghị” bằng cụm từ “do Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đề nghị” tại khoản 1 Điều 25;

i) Thay thế cụm từ “Hội đồng KH&CN chuyên ngành” bằng cụm từ “Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ” tại khoản 3 Điều 29.

2. Bãi bỏ các khoản, Điều sau đây:

a) Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 5;

b) Bãi bỏ khoản 3 Điều 7;

c) Bãi bỏ Điều 16.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 7 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

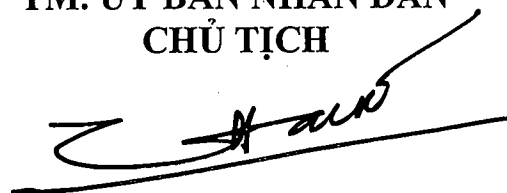
Gửi bản giấy:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- LĐVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, HÀNN, Minh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Hải